**Phần I: Đọc hiểu (4đ)**

**Đọc văn bản:**

**ĐI TẾT THẦY**

(Nguyễn Khoa Đăng)

Sáng ba mươi, đang vui với tám quân bài tam cúc mới được chia đỏ rực bộ ba “tướng sĩ tượng”, thì bố tôi đưa cho gói quà Tết bọc giấy điều:

- Lớn rồi, Tết này con đi tết thầy một mình! Cũng chẳng có gì, chỉ cặp bánh chưng với cân đường gọi là.  
Tôi gật đầu nhưng bụng rất run. Tôi vốn là đứa trẻ nhút nhát, chưa dám đến nhà ai một mình, kể chi nhà thầy giáo có tiếng nghiêm khắc như thầy tôi. Thành ra, trên đường có bao nhiêu cái vui của ngày Tết mà tôi chẳng thiết gì: tranh gà, tranh lợn, tố nữ du xuân. Lại có chỗ trẻ con đá bóng với chiếc bọng đái của con lợn Tết phơi khô, thổi hơi vào căng cứng, chân chạm đến nẩy cầng cầng. Tôi cũng chẳng thiết!  
Tôi đi thật chậm, nhưng rồi cũng đã đến cổng nhà thầy. Đã mấy lần giơ bàn tay nhỏ bé định đập lên đó, nhưng cả mấy lần tôi đều rụt lại. Sợ quá! Ước gì có ai đó ra mở cổng. Tôi sẽ dúi vào tay cái khối nặng nề này rồi ù té chạy đi. Nhưng chờ mãi chẳng thấy, chỉ thấy còn cách là quay về. Rồi muốn ra sao thì ra!  
Đường về, tôi đếm từng bước một. Đã đến quán nước bà Ngải, một bà lão sống mỗi một mình từ hồi nào. A! Phải rồi! Tôi rẽ vào quán, đặt vội lên đôi bàn tay nhăn nheo run run của bà gói quà Tết:

- Thầy u cháu...  
Bà lặng người đi, cái miệng móm mấp máy:

- Đa tạ ông bà...  
Xong việc, tôi về đến nhà, mặc dù tự trấn an: “Thầy giáo thì thiếu gì quà Tết” nhưng vẫn cứ thấy bứt rứt, tâm trạng của người vừa phạm tội, vừa không. Bố tôi không nhận ra điều ấy nên đã reo lên khi thấy tôi về:

- Thằng này giỏi! Tết thầy một mình!  
Bố tôi càng khen, tôi lại càng nơm nớp chờ đợi...  
Ngày mồng một, điều ấy không đến, may sao!  
Ngày mồng hai, lạy trời, cũng thế. Nhưng...  
Vừa mới sáng bảnh mắt, bà cụ Ngải đã xồng xộc bước vào nhà, miệng rối rít:

- Năm mới kính chúc ông bà làm ăn phát đạt bằng năm bằng mười năm ngoái...  
Tôi chạy tọt vào buồng, tim thắt lại. Bà ơi, bà đừng nói cái chuyện hôm trước bà nhé.

- Sau nữa xin cảm ơn ông bà có lòng nghĩ tới kẻ nghèo hèn như tôi. Cặp bánh ông bà cho, nó không phải bằng gạo, bằng thịt đâu, bằng vàng đấy ạ!  
Tôi tái người, chỉ còn biết ngồi sụp xuống chờ ăn đòn. Quả không sai, bố tôi nghiêm mặt nhìn tôi sau lúc bà Ngải về:

- Vậy là thế nào?  
Tôi nghĩ ngay được câu biến báo:

- Dạ, thầy con nhận rồi sai con tết lại bà...

- Thật không?

- Thật ạ!

- Được rồi, để tao xem lại!  
Bố tôi rất ghét nói dối, xưa nay đã nói là ông làm. Tôi chỉ còn biết cầu mong bố tôi quên việc đến gặp thầy. Mà rồi sau đó bố tôi quên thật. Có lẽ nhờ mải mê lau chùi những món đồ thờ. Bố tôi đã vừa làm vừa đọc lên những câu đối tiếu lâm làm cả nhà cùng cười. Tôi tạm yên dạ.  
Ngoài sân bỗng vang lên tiếng chào. Tôi giật mình nhìn ra và tái mặt. Thầy tôi! Trời ơi, làm sao thầy lại đến nhà tôi vào giữa lúc này!  
Tôi nhảy tọt vào buồng, run còn hơn buổi sáng. Tôi nghe thầy nói:

- Có hộp mứt đến mừng tuổi ông bà. Cũng là cảm ơn ông bà đã cho bánh Tết. Gớm, bánh gói khéo quá, vừa chặt tay lại vừa đẹp.  
Tôi không tin ở lỗ tai của mình, vội lẻn ra khỏi buồng, chạy thẳng một mạch tới quán bà Ngải. Trên mảnh gỗ lâu nay vẫn được làm bàn thờ tổ tiên của bà, vẫn là cặp bánh chưng nhà tôi lại thêm hộp mứt giống hệt cái hộp thầy vừa mừng tuổi bố mẹ tôi. Chẳng để tôi kịp hỏi, bà Ngải đã “à” lên:

- Cậu, bữa cho quà, cậu bỏ quên lá thơ. Lão nhờ người đọc mới biết thơ thầy u cậu gửi cho ông giáo. Lão vội đưa tới ông giáo ngay, nhân dịp biếu ông giáo chục cam. Cảm ơn ông giáo dạy học trò biết nhớ đến người nghèo. Ông giáo nhận thơ lại còn cho mứt. Quý hóa quá!  
Vậy là còn lá thư trong gói quà Tết tôi nào biết. Nhưng tôi biết, thầy tôi đã đọc thư, đã rõ hết chuyện, đã đỡ đòn cho tôi. Nếu không, phải ăn đòn ngày Tết thì giông cả năm. Có khi cả đời.

**Trả lời câu hỏi:**

Cầu 1. Câu chuyện trong văn bản “Đi tết thầy” được kể vào thời gian nào trong năm?

Cáu 2. Truyện được kể dưới điểm nhìn của ai? Ai là nhân vật chính?

Cầu 3. Hãy phân tích vai trò của chi tiết lá thư trong việc giải quyết tình huống của câu chuyện.

Cầu 4. Trong đoạn: “Tôi vốn là đứa trẻ nhút nhát, chưa dám đến nhà ai một mình.” từ “nhút nhát” thuộc từ loại gì? Từ này có tác dụng gì trong việc miêu tả nhân vật“tôi”?

Câu 5. Từ câu chuyện này, em rút ra bài học gì vể cách đối nhân xử thế trong cuộc sống?

**Phần II: Viết**

Câu 1 (2đ). Viết đoạn văn (khoảng 200 - 250 chữ) phân tích tâm trạng lo lắng, sợ hãi của nhân vật “tôi” trong truyện “Đi tết Thấy” và ý nghĩa của tâm trạng này trong việc thể hiện tâm lý trẻ thơ khi đối diện với những tình huống khó khăn.

Câu 2 (4đ).

PGS.TS. Lê Quý Đức, nguyên Phó Viện trưởng Viện Văn hóa và phát triển, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh nhấn mạnh, giáo dục như một sự trao truyền văn hóa, trao truyền phẩm chất con người, trao truyền những phẩm chất đẹp của một dân tộc từ thế hệ trước đến thế hệ sau.

(Báo điện tử Đại biểu Nhân dân, 20-11-2023)

Từ ý kiến trên, hãy viết bài văn nghị luận trình bày quan điểm của em về vấn để gìn giữ truyền thống tốt đẹp “tôn sư trọng đạo” trong thời đại ngày nay.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** | **1** | - Câu chuyên được kể diễn ra vào dịp Tết Nguyên Đán. | 0,5 |
|  | **2** | - Chi tiết thể hiện tính cách nhút nhát của nhân vật “tôi” là: “Tôi vốn là đứa trẻ nhút nhát. Chưa dám đến nhà ai một mình.” | 0,5 |
|  | **3** | - Chi tiết lá thư đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết tình huống của câu chuyện. Lá thư giúp thầy giáo hiểu rõ tấm lòng của cậu học trò khi tặng quà cho bà Ngải thay vì cho thầy. Nhờ đó, thầy giáo không những không trách phạt mà còn xử lý tình huống một cách khéo léo, nhân văn, giúp cậu bé tránh được sự rầy la của bố và kết thúc câu chuyện một cách êm đẹp. | 1 |
|  | **4** | * Từ “nhút nhát” thuộc từ loại tính từ.   - Từ này có tác dụng miêu tả đặc điểm tính cách của nhân vật "tôi", giúp người đọc hiểu rõ hơn về tâm lý và tính cách của cậu bé. Nhờ tính từ này, câu chuyện trở nên chân thực hơn khi diễn tả sự lo lắng, sợ hãi của cậu bé khi phải đi tết thầy một mình. | 0,25  0,75 |
|  | **5** | Học sinh trả lời theo cách suy nghĩ của mình, giáo viên linh động cho điểm.  - Bài học rút ra là cần phải khéo léo, chân thành và bao dung trong cách đối xử với mọi người, đồng thời cần cẩn trọng trong lời nói và hành động để tránh gây hiểu lầm. | 1 |
| **II** | **1** | 1. Đảm bảo cấu trúc đoạn nghị luận văn học 2. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Phân tích tâm trạng lo lắng, sợ hãi của nhân vật “tôi” trong truyện “Đi tết thây” và ý nghĩa của tầm trạng này trong việc thể hiện tâm lý trẻ thơ khi đối diện với những tình huống khó khăn. 3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm   HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cẩn giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lý do và quan điểm của bản thân, đưa ra luận điểm chính xác, lập luận chặt chẽ, sử dụng bằng chứng thuyết phục.  Sau đầy là một hướng gợi ý:  *a. Mở đoạn:*  - Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm “Đi tết thầy” của Nguyễn Khoa Đăng.  - Đưa ra nhận định chung về tầm trạng của nhân vật “tôi” trong truyện, nhấn mạnh vào sự lo lắng, sợ hãi khi phải đối diện với tình huống khó khăn.  b. Thân đoạn:  - Phân tích tình huống dẫn đến tâm trạng lo lắng, sợ hãi của nhân vật “tôi”:  + Nhân vật “tôi” được giao nhiệm vụ đi tết thầy giáo một mình, điều này trở thành một thử thách lớn đối với một đứa trẻ nhút nhát.  + Sự căng thẳng, lo lắng được thể hiện qua những hành động như đi chậm lại, ngập ngừng trước cổng nhà thầy, và cuối cùng quyết định mang gói quà tết đến biếu bà Ngải thay vì thầy.  - Phân tích diễn biến tâm lý của nhân vật “tôi” trên đường về và trong những ngày tiếp theo:  + Trên đường về, nhân vật “tôi” cảm thấy bứt rứt, lo lắng như người vừa phạm tội, chờ đợi sự trừng phạt.  + Tâm trạng lo lắng càng tăng cao khi thầy giáo đến nhà chúc tết, và nhân vật “tôi” phải đối mặt với sự thật.  - Ý nghĩa của tâm trạng lo lắng, sự hãi trong việc thể hiện tâm lý trẻ thơ:  + Tâm trạng lo lắng, sợ hãi cho thấy sự nhút nhát, dễ tổn thương của đứa trẻ khi đối diện với những tình huống vượt ngoài khả năng giải quyết.  + Qua đó, tác giả muốn nhấn mạnh tầm quan trọng của sự bảo ban, hướng dẫn nhẹ nhàng và lòng bao dung của người lớn đối với trẻ em.  c. Kết đoạn:  - Khẳng định lại ý nghĩa của việc khắc họa tâm trạng lo lắng, sợ hãi của nhân vật “tôi” trong việc thể hiện tâm lý trẻ thơ.  - Nhấn mạnh thông điệp về sự thấu hiểu và bao dung của người lớn đối với những lỗi lầm của trẻ em, góp phẩn tạo dựng niềm tin và sự phát triển lành mạnh cho trẻ. | 0,25  0,25  1 |
|  |  | 4. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sầu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,25 |
|  |  | 5. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng đúng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản. | 0,25 |
|  | **2** | 1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận xã hội   Mở bài nêu được vấn đề; Thân bài triển khai được vấn đề; Kết bài khái quát được vấn để.   1. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết bài văn nghị luận trình bày quan điểm của em vể vấn để gìn giữ truyền thống tốt đẹp “tôn sư trọng đạo” trong thời đại ngày nay. 2. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm   HS có thể viết bài theo nhiều cách trên cơ sở kết hợp được lý lẽ và bằng chứng để tạo tính chặt chẽ; logic của mỗi luận điểm; đảm bảo các yêu cẩu sau:   1. *Mở bài:*  * Dẫn dắt vấn để:   + Khẳng định vai trò quan trọng của giáo dục trong việc hình thành nhân cách và phẩm chất của con người.  + Giới thiệu ý kiến của PGS.TS. Lê Quý Đức về việc giáo dục là sự trao truyền văn hóa và phẩm chất con người qua các thế hệ.   * Nêu vấn đề nghị luận: Từ ý kiến trên; nhấn mạnh đến truyền thống “tôn sư trọng đạo” - một trong những phẩm chất đẹp của dân tộc Việt Nam cẩn được gìn giữ và phát huy trong thời đại ngày nay.  1. *Thân bài:* 2. Giải thích khái niệm “tôn sư trọng đạo”:  * “Tôn sư” là tôn kính; kính trọng thầy cô giáo - những người truyền dạy kiến thức; đạo đức và giá trị sống cho học sinh. * “Trọng đạo” là coi trọng đạo lý; giá trị tinh thẩn; đạo đức trong học tập và cuộc sống. * Truyền thống “tôn sư trọng đạo” là một trong những nét đẹp văn hóa của dân tộc Việt Nam; biểu hiện qua lòng kính trọng; biết ơn đối với những người thầy.  1. Vai trò của truyền thống “tôn sư trọng đạo” trong việc hình thành và phát triển nhân cách:  * Giáo dục không chỉ là việc truyền dạy kiến thức mà còn là truyền thụ đạo đức; giá trị sống; giúp học sinh trưởng thành vê' nhân cách.   - Truyền thống “tôn sư trọng đạo” góp phần củng cố mối quan hệ giữa thầy và trò; tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình dạy và học.  - Bằng chứng: Các câu tục ngữ; ca dao, như “Nhất tự vi sư, bán tự vi sư” hay “Muốn sang thì bắc cầu Kiều, muốn con hay chữ phải yêu lấy thầy”, thể hiện rõ lòng tôn kính và biết ơn đối với người thẩy.  c. Thực trạng của truyền thống “tôn sư trọng đạo” trong thời đại ngày nay:  - Trình bày những biểu hiện tích cực: Nhiều học sinh và phụ huynh vẫn giữ vững truyền thống lánh trọng thầy cố, thường xuyên thể hiện lòng biết ơn thông qua các hoạt động tri ân thầy cô.  - Tuy nhiên, cũng có những biểu hiện tiêu cực như sự coi nhẹ vai trò của người thấy, thậm chí có những trường hợp thiếu tôn trọng, gây tổn thương cho thầy cố.  - Bằng chứng: Các sự kiện, hiện tượng xã hội, trường hợp cụ thể trong thực tế, báo chí đã đưa tin về những biểu hiện thiếu tôn trọng thầy cô trong trường học.  d. Giải pháp và để xuất:  - Cần giáo dục học sinh từ nhỏ về lòng biết ơn, kính trọng thầy cô, không chỉ qua bài giảng mà còn qua các hoạt động thực tế.  - Gia đình, nhà trường và xã hội cẩn phối hợp chặt chẽ trong việc giáo dục và duy trì truyền thống “tôn sư trọng đạo”.  - Đề xuất tổ chức các hoạt động ngoại khóa, lễ tri ân thầy có để học sinh có cơ hội thể hiện lòng biết ơn.  3. Kết bài:  - Khẳng định lại tầm quan trọng của truyền thống “tôn sư trọng đạo”: Truyền thống này không chỉ là nét đẹp văn hóa mà còn là nền tảng cho sự phát triển nhân cách, đạo đức của mỗi con người.  - Kêu gọi sự gìn giữ và phát huy: Nhấn mạnh rằng trong bối cảnh xã hội hiện đại, việc gìn giữ và phát huy truyền thống “tôn sư trọng đạo” càng trở nên cần thiết để đảm bảo sự truyền thụ đúng đắn các giá trị văn hóa và đạo đức cho thế hệ sau. | 0;25  0;5  2,5 |
|  |  | 4. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,5 |
|  |  | 5. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả; dùng đúng từ; ngữ pháp tiếng Việt; liên kết văn bản. | 0,25 |